TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-03-2024
"*V/v ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến
2. Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thuý Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị Hồng N,** sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Anh **Trần Phát T,** sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Thị Hồng N trình bày:

Vào năm 2017, qua M mối nên chị N và anh Trần Phát T tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/04/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc,

nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Từ đó, vợ chồng ít quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cũng không cùng nhau chia sẽ các công việc trong gia đình, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay. Từ lúc ly thân, vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Phát T.

Về con chung: Chị N yêu cầu nuôi con chung là Trần Đặng Thanh M, sinh ngày 09/02/2023 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như trong biên bản hòa giải ngày 13/03/2024, bị đơn anh Trần Phát T trình bày*:

Vào năm 2017, qua M mối nên anh T và chị Đặng Thị Hồng N tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/04/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hoà giải, hàn gắn được, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay. Từ lúc ly thân, vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được nên anh T đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Có con chung là Trần Đặng Thanh M, sinh ngày 09/02/2023, hiện tại con đang sống với chị N, khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 900.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa,* chị Đặng Thị Hồng N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Phát T. Về con chung: Chị N yêu cầu nuôi con chung là Trần Đặng Thanh M, sinh ngày 09/02/2023 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Nếu anh T đồng ý mức 2.000.000đ thì chị đồng ý, còn không thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa*, anh Trần Phát T đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị Hồng N. Về con chung: Có con chung là Trần Đặng Thanh M, sinh ngày 09/02/2023, hiện tại con đang sống với chị N, khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 900.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại

phiên toà, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ/tháng, nếu chị N không đồng ý thì giải quyết theo quy định của pháp luật. Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Phát T.

- *Về con chung*: Giao cháu Trần Đặng Thanh M, sinh ngày 09/02/2023 cho chị Đặng Thị Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Phát T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Buộc anh Trần Phát T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Đặng Thanh M, sinh ngày 09/02/2023 mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 27/03/2024).

- *Về T sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp T liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn, nuôi*

con, cấp dưỡng nuôi con"; bị đơn anh Trần Phát T cư trú tại xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh T qua M mối rồi tìm hiểu nhau sau đó đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 17/04/2017 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Đặng Thị Hồng N xin ly hôn với anh Trần Phát T, quá trình giải quyết Tòa án hòa giải anh T cũng đồng ý ly hôn, tuy nhiên phần cấp dưỡng nuôi con chưa giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *"Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia T sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn".*

Như vậy, trong khoảng thời gian chị N và anh T chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 04 năm 2023 cho đến nay. Trong khoảng thời gian không sống chung với nhau thì vợ chồng chưa giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng, quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng bị vi phạm nghiêm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Việc ly thân đó dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do các bên đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2]. *Về con chung*: Xét yêu cầu của chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Đặng Thanh M, sinh ngày 09/02/2023, hiện tại chị đang nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ khi chị N và anh T không còn chung sống với nhau thì con chung do chị N nuôi dưỡng cho đến nay. Hơn nữa theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Do đó để tránh việc thay đổi nuôi con, cũng như nhằm đảm bảo ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nên tiếp tục giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Hội đồng xét xử xét thấy tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*" và khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*". Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000đ, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng, hai bên không thoả thuận được số tiền cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc yêu cầu cấp dưỡng của chị N và mức thu nhập hiện tại của anh T đang thực lãnh là 5.958.000đ/tháng. Do đó để đảm bảo quyền lợi về các khoản nhu cầu thiết yếu và sinh hoạt cá nhân của anh T và nhu cầu thiết yếu nhất của cháu M, hiện tại mức lương tối thiểu vùng nơi anh T đang cư trú ở huyện Tam Bình và nơi làm việc là huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long là 3.250.000đ/tháng là mức lương tối thiểu để đảm bảo cuộc sống cho lao động về ăn, ở, sinh hoạt cá nhân…., nên thu nhập còn lại của anh T là (5.958.000đ – 3.250.000đ) = 2.708.000đ, mức thu nhập còn lại này, buộc anh T phải trích lại ½ là 1.354.000đđ/tháng để cấp dưỡng nuôi cháu M. Tuy nhiên tại phiên toà anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.500.000đ/tháng, mức cấp dưỡng này là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với thu nhập hiện có của anh T với có lợi cho nguyên đơn

nên được chấp nhận. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 27/03/2023) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Trường hợp có thay đổi cấp dưỡng thì thực hiện theo khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 116 quy định: "*Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*".

[4]. *Về T sản chung, nợ chung của vợ chồng*: Chị N và anh T khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Phát T.

[2]. *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Hồng N.

Giao cháu Trần Đặng Thanh M, sinh ngày 09/02/2023 cho chị Đặng Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Phát T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Buộc anh Trần Phát T phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Đặng Thanh M, sinh ngày 09/02/2023 mỗi tháng là 1.500.000đ (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 27/03/2024) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. *Về T sản chung, nợ chung*: Chị Đặng Thị Hồng N và anh Trần Phát T khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Đặng Thị Hồng N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0013864 ngày 17/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Trần Phát T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND huyện Tam Bình*;
- *CCTHADS huyện Tam Bình*;
- *UBND xã B, huyện Tam Bình*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo